TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ...** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ..., TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ..., tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim L, sinh năm 1971; Nơi cư trú: khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Bị đơn: Ông Lê H, sinh năm 1970; Nơi cư trú: khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1996, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường E, thành phố T, tỉnh Phú yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01 ngày 13/02/1996. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H không đi làm phụ giúp gia đình, ngày nào cũng ăn nhậu đàn đúm bạn bè, dùng những lời thô lỗ vô ý thức với bà. Năm 2020 bà L đã làm đơn xin ly hôn với ông H nhưng vì con cái và ông H cam kết rút kinh nghiệm nên bà rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay ông H vẫn không thay đổi tính tình và tháng 6/2024 bà L đã bỏ về nhà cha mẹ bà sống. Từ khi sống xa nhau, ông H không quan tâm, chăm sóc và không gọi điện hay liên lạc gì. Do đó, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Thế N, sinh năm 1996 và Lê Phi H1, sinh năm 1999. Hiện nay N và H1 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày.

Bị đơn ông H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: bà L được ly hôn với ông H; Về con chung: Lê Thế N và Lê Phi H1 vì đã trưởng thành nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung: Nguyên đơn bà L không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1996, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường E, thành phố T, tỉnh Phú yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01 ngày 13/02/1996 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Theo bà L, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H không đi làm phụ giúp gia đình, ngày nào cũng ăn nhậu đàn đúm bạn bè, dùng những lời thô lỗ vô ý thức với bà. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho ông H để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông H không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy ông H không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông H có 02 con chung tên là Lê Thế N, sinh năm 1996 và Lê Phi H1, sinh năm 1999. Hiện nay N và

H1 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim L được ly hôn với ông Lê H.

2. Về con chung: Có 02 *(hai)* con chung tên là Lê Thế N, sinh năm 1996 và Lê Phi H1, sinh năm 1999. Vì các con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và bà Bùi Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Kim L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005814 ngày 24/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp . T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND phường 5, Tp T;

(Số 29, quyển số 01 ngày 13/02/1996)
- Lưu hồ sơ, án văn.